**Phương pháp nghiên cứu hiệu quả bảo vệ gan của dịch chiết ethanol từ quả Lạc tiên (*Passiflora foetida L*.) chống lại các tổn thương trên gan ở chuột gây ra bởi CCl4.**

1. Nghiên cứu độc tính cấp tính

 Độc tính cấp tính qua đường miệng (AOT) của EPF được xác định bằng cách sử dụng Swiss chuột bạch tạng. Các con vật được nhịn ăn trong 3 giờ trước khi thí nghiệm và được sử dụng một liều dịch chiết hòa tan trong 5% gôm arabic (liều lượng từ 500 – 2000 mg / kg ở các mức liều khác nhau) và được quan sát về tỷ lệ tử vong đến 48 giờ (độc tính ngắn hạn). Dựa trên độc tính ngắn hạn, liều lượng của con vật tiếp theo được xác định theo hướng dẫn 425 của OECD. Tất cả các con vật cũng được quan sát trong thời gian dài độc tính (14 ngày). LD50 của dịch chiết thử nghiệm được tính toán bằng phần mềm ‘AOT 425’ do Môi trường cung cấp Cơ quan Bảo vệ, Hoa Kỳ.

2. Đánh giá hoạt động bảo vệ gan

 Bốn nhóm động vật chứa sáu con, mỗi nhóm được sử dụng cho nghiên cứu. Các động vật từ Nhóm I đóng vai trò nhóm chứng và nhận phương tiện 5% w / v gôm arabic với liều lượng 1ml /kg / ngày, uống trong 7 ngày. Nhóm II - IV uống 1,25 ml / kg / ngày của CCl4 (Ranbaxy, Mumbai, Ấn Độ) trong 7 ngày. Thuốc tiêu chuẩn Silymarin (Micro Labs, Silyban) đã được dùng cho động vật nhóm III với liều 100 mg / kg / ngày, uống cho 7 ngày. Nhóm IV được điều trị bằng EPF với liều 200 mg / kg / ngày, uống trong 7 ngày, tương ứng. CCl4, Silymarin và chiết xuất được sử dụng thường xuyên cho các nhóm động vật. Vào ngày thứ 7, CCl4 được cho 30 phút sau khi sử dụng silymarin và EPF. Sau 36 giờ CCl4 dùng thuốc tất cả các động vật đã bị giết trong quá trình gây mê bằng chloroform. Các mẫu máu được thu riêng vào ống ly tâm khô đã khử trùng và để đông trong 30 phút và huyết thanh được tách lấy. Sự tách biệt huyết thanh được phân tích để đánh giá các dấu hiệu sinh hóa khác nhau như glutamate huyết thanh pyruvate transaminase (SGPT) 5, huyết thanh glutamate oxaloacetate transaminase (SGOT) 5, kiềm phosphatase (ALP) 6, tổng số bilirubin7 và gamma glutamate transpeptidase (GGTP) 8.

3. Phân tích thống kê

 Tất cả các giá trị được biểu thị bằng giá trị trung bình ± SEM. Phân tích thống kê được thực hiện với bằng phương pháp phân tích phương sai (ANOVA) tiếp theo là thử nghiệm Dunnett’s ‘t’. Giá trị P <0,05 được coi là có ý nghĩa thống kê khi so sánh đến CCl4 toàn bộ.

4. Mô bệnh học

 Sau khi rút hết máu, người ta mổ bụng từng con mỡ và các mẫu gan được cắt bỏ, rửa bằng nước muối thông thường và xử lý riêng cho mô bệnh học quan sát. Tỷ lệ trọng lượng gan ướt đã được tính toán. Các gan được kiểm tra tổng thể, được cố định trong bộ đệm 10% formalin trung tính trong 48 giờ và sau đó dung dịch được để 6 giờ. Các đoạn parafin được lấy ở độ dày 5 µm được xử lý trong chuỗi cồn-xylen và được nhuộm bằng phèn chua hematoxylin và eosin9. Các phần được kiểm tra bằng kính hiển vi để tìm những thay đổi về mô bệnh học.

Người viết bài: Ths. Trịnh Thị Loan

Người duyệt bài: Ths. Nguyễn Thị Thùy Trang

Nguồn báo: <https://www.researchgate.net/profile/Raju-Senthil-Kumar/publication/38111545_Effect_of_ethanol_extract_of_fruits_of_Passiflora_foetida_Linn_on_CCl4_induced_hepatic_injury_in_rats/links/56efc0a508aea252a07db0d9/Effect-of-ethanol-extract-of-fruits-of-Passiflora-foetida-Linn-on-CCl4-induced-hepatic-injury-in-rats.pdf>